

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 04.01.2024

Phòng thi 01 (503-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	23040847	Hoàng Khánh	An	07.09.2001	QH.2023.F.1.F3.NN	FLF1107B 6			
2	23041330	Lò Bảo	An	22.10.2001	QH.2003.F.1.J4.NN	FLF1107B 9			
3	23041333	Nguyễn Thanh Hà	An	27.12.2005	QH.2023.F.1.J8.NN	FLF1107B 5			
4	23041334	Nguyễn Thị Thanh	An	26.10.2005	QH.2023.F.1.J9.NN	FLF1107B 7			
5	23041585	Nguyễn Vĩnh	An	27.12.2005	QH.2023.F.1.K2.NN	FLF1107B 2			
6	23040963	Phạm Thị	An	23.06.2005	QH.2023.F.1.C3.NN	FLF1107B 3			
7	23040778	Vũ Minh	An	25.06.2004	QH.2023.F.1.R1.NN	FLF1107B 13			
8	23041332	Nguyễn Đức	An	25.02.2005	QH.2023.F.1.J5.NN	FLF1107B 16			
9	23041336	Bùi Thị Lan	Anh	03.02.2005	QH.2023.F.1.J10.NN	FLF1107B 19			
10	23040964	Bùi Thị Vân	Anh	16.08.2005	QH.2023.F.1.C4.NN	FLF1107B 10			
11	23041337	Cao Phương	Anh	11.11.2005	QH.2023.F.1.J3.NN	FLF1107B 2			
12	23041588	Chu Phương	Anh	26.02.2005	QH.2023.F.1.K3.NN	FLF1107B 16			
13	23041339	Đào Phương	Anh	01.11.2005	QH.2023.F.1.J4.NN	FLF1107B 2			
14	23040141	Đào Thị Phương	Anh	29.03.2005	QH.2023.F.1.J1.SP	FLF1107B 12			
15	23040966	Đình Hoàng Mai	Anh	10.05.2005	QH.2023.F.1.C5.NN	FLF1107B 2			
16	22041157	Đình Thị Lan	Anh	03.09.2003	QH.2022.F.1.C1.NN	FLF1107B 9			
17	23040967	Đình Thị Quế	Anh	24.09.2005	QH.2023.F.1.C1.NN	FLF1107B 15			
18	23040968	Đỗ Phương	Anh	13.07.2005	QH.2023.F.1.C6.NN	FLF1107B 15			
19	23040779	Đồng Nam	Anh	17.12.2005	QH.2023.F.1.R2.NN	FLF1107B 11			
20	23040849	Dương Thị Ngọc	Anh	17.12.2005	QH.2023.F.1.F4.NN	FLF1107B 7			
21	23041589	Dương Trung	Anh	02.06.2005	QH.2023.F.1.K4.NN	FLF1107B 11			
22	23041211	Giáp Duy	Anh	14.08.2002	QH.2023.F.1.G2.NN	FLF1107B 10			
23	23041212	Hồ Phúc	Anh	28.11.2005	QH.2023.F.1.G3.NN	FLF1107B 8			

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 04.01.2024

Phòng thi 02 (504-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	23040969	Hoàng Thị Kim	Anh	19.07.2005	QH.2023.F.1.C7.NN	FLF1107B 13			

2	23040970	Hoàng Thị Kim	Anh	13.09.2005	QH.2023.F.1.C8.NN	FLF1107B 8			
3	23041343	Lâm Nguyễn Phương	Anh	28.01.2005	QH.2023.F.1.J5.NN	FLF1107B 3			
4	23040972	Lê Mai	Anh	30.07.2005	QH.2023.F.1.C2.NN	FLF1107B 13			
5	23040780	Lê Thảo	Anh	28.02.2005	QH.2023.F.1.R1.NN	FLF1107B 9			
6	23041213	Lê Thị Phương	Anh	04.07.2005	QH.2023.F.1.G1.NN	FLF1107B 1			
7	23040973	Lê Thị Quỳnh	Anh	19.12.2005	QH.2023.F.1.C1.NN	FLF1107B 8			
8	23040852	Mai Phương	Anh	01.10.2005	QH.2023.F.1.F1.NN	FLF1107B 7			
9	22041052	Mai Thị Kiều	Anh	23.09.2003	QH.2022.F.1.C7.NN4	FLF1107B 14			
10	23040974	Nguyễn Châu	Anh	01.07.2005	QH.2023.F.1.C3.NN	FLF1107B 13			
11	23041346	Nguyễn Hoàng Bảo	Anh	12.01.2005	QH.2023.F.1.J7.NN	FLF1107B 4			
12	23041347	Nguyễn Lan	Anh	12.05.2005	QH.2023.F.1.J8.NN	FLF1107B 19			
13	23041348	Nguyễn Mai	Anh	18.12.2005	QH.2023.F.1.J9.NN	FLF1107B 8			
14	23041214	Nguyễn Minh	Anh	22.01.2005	QH.2023.F.1.G2.NN	FLF1107B 10			
15	23040855	Nguyễn Quỳnh	Anh	25.11.2005	QH.2023.F.1.F3.NN	FLF1107B 6			
16	23041353	Nguyễn Thị Diệp	Anh	06.10.2005	QH.2023.F.1.J3.NN	FLF1107B 11			
17	23040782	Nguyễn Thị Lan	Anh	10.06.2005	QH.2023.F.1.R2.NN	FLF1107B 1			
18	23041216	Nguyễn Thị Lan	Anh	09.12.2005	QH.2023.F.1.G3.NN	FLF1107B 12			
19	23041217	Nguyễn Thị Minh	Anh	23.07.2005	QH.2023.F.1.G4.NN	FLF1107B 2			
20	23041838	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	15/02/2005	QH.2023.F.1.A.1	FLF1107B 8			
21	23041599	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	01.05.2005	QH.2023.F.1.K6.NN	FLF1107B 3			
22	23040977	Nguyễn Thị Phương	Anh	14.11.2005	QH.2023.F.1.C5.NN	FLF1107B 10			
23	23040783	Nguyễn Thị Phương	Anh	18.08.2005	QH.2023.F.1.R1.NN	FLF1107B 10			

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 04.01.2024

Phòng thi 03(506-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	23040856	Phạm Phương	Anh	24.12.2005	QH.2023.F.1.F4.NN	FLF1107B 6			
2	23040143	Phạm Thị Kim	Anh	16.09.2004	QH.2023.F.1.J1.SP	FLF1107B 3			
3	23041358	Phạm Thị Ngọc	Anh	06.07.2005	QH.2023.F.1.J6.NN	FLF1107B 1			
4	21041083	Phan Phương	Anh	19.11.2003	QH.2022.F.1.R1.NN	FLF1107B 12			
5	23041220	Phan Thị Cẩm	Anh	05.08.2005	QH.2023.F.1.G1.NN	FLF1107B 10			
6	23041608	Trần Lan	Anh	15.06.2005	QH.2023.F.1.K9.NN	FLF1107B 3			
7	23040144	Trần Mai	Anh	05.09.2005	QH.2023.F.1.J1.SP	FLF1107B 17			
8	23041359	Trần Thị Hiền	Anh	02.02.2005	QH.2023.F.1.J7.NN	FLF1107B 8			
9	23041361	Trương Hà Vi	Anh	01.02.2002	QH.2023.F.1.J8.NN	FLF1107B 10			
10	23040858	Trương Phạm Mai	Anh	27.08.2005	QH.2023.F.1.F1.NN	FLF1107B 7			
11	23040859	Trương Thị Kim	Anh	25.07.2005	QH.2023.F.1.F2.NN	FLF1107B 7			
12	23041223	Võ Mai	Anh	20.10.2005	QH.2023.F.1.G2.NN	FLF1107B 10			

13	23040784	Vũ Ngọc Anh	20.11.2005	QH.2023.F.1.R2.NN	FLF1107B 17			
14	23041839	Vũ Phương Anh	19.12.2005	QH.2023.F.1.A1.NN	FLF1107B 13			
15	21041729	Vũ Phương Quỳnh	30.11.2003	QH.2022.F.1.A1.NN	FLF1107B 16			
16	23041609	Hoàng Đào Ngọc Ánh	22.08.2005	QH.2023.F.1.K2.NN	FLF1107B 19			
17	23041365	Nguyễn Hồng Ánh	29.10.2005	QH.2023.F.1.J2.NN3.D6	FLF1107B 16			
18	22040201	Nguyễn Ngọc Ánh	24.01.2004	QH.2022.F.1.G1.SP	FLF1107B 15			
19	23041366	Nguyễn Ngọc Ánh	07.03.2005	QH.2023.F.1.J10.NN	FLF1107B 19			
20	21041125	Nguyễn Thị Ánh	29.05.2003	QH.2021.F.1.R1.NN	FLF1107B 9			
21	23040984	Nguyễn Thị Ánh	01.05.2005	QH.2023.F.1.C6.NN	FLF1107B 2			
22	23041590	Hoàng Phương Anh	22.12.2005	QH.2023.F.1.K5.NN	FLF1107B 4			
23	23041603	Phạm Thị Lan Anh	23.09.2005	QH.2023.F.1.K8.NN	FLF1107B 4			

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 04.01.2024

Phòng thi 04 (507-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	23041604	Phạm Thị Ngọc	Anh	09.06.2004	QH.2023.F.1.K2.NN	FLF1107B 16			
2	23040985	Đỗ Thị Ánh	Băng	26.08.2005	QH.2023.F.1.C7.NN	FLF1107B 1			
3	22041402	Nguyễn Ngọc Bích	Bích	27.08.2004	QH.2022.F.1.J3.NN	FLF1107B 14			
4	23040122	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Bích	10.05.2005	QH.2023.F.1.C9.SP4	FLF1107B 16			
5	23040786	Vũ Ngọc Bích	Bích	03.01.2005	QH.2023.F.1.R1.NN	FLF1107B 15			
6	23041367	Nguyễn Đình Bình	Bình	29.11.2005	QH.2023.F.1.J3.NN	FLF1107B 4			
7	23040986	Trịnh Thị Bình	Bình	15.12.2005	QH.2023.F.1.C9.NN4	FLF1107B 16			
8	23041612	Hồ Thị Minh Châu	Châu	13.07.2005	QH.2023.F.1.K3.NN	FLF1107B 11			
9	23040988	Phạm Ngọc Châu	Châu	05.11.2005	QH.2023.F.1.C8.NN	FLF1107B 16			
10	23040991	Đỗ Linh Chi	Chi	03.07.2005	QH.2023.F.1.C2.NN	FLF1107B 9			
11	23040788	Lục Thị Mai Chi	Chi	29.11.2005	QH.2023.F.1.R2.NN	FLF1107B 15			
12	23040147	Nguyễn Hà Chi	Chi	22.03.2005	QH.2023.F.1.J1.SP	FLF1107B 15			
13	23040993	Nguyễn Khánh Chi	Chi	06.08.2005	QH.2023.F.1.C1.NN	FLF1107B 8			
14	23041371	Nguyễn Quỳnh Chi	Chi	19.07.2005	QH.2023.F.1.J4.NN	FLF1107B 5			
15	23040148	Nguyễn Thị Lan Chi	Chi	07.11.2004	QH.2023.F.1.J1.SP	FLF1107B 15			
16	23040168	Nguyễn Thị Thảo Chi	Chi	11.03.2005	QH.2023.F.1.K1.SP	FLF1107B 3			
17	23041228	Nguyễn Yến Chi	Chi	13.06.2005	QH.2023.F.1.G4.NN	FLF1107B 10			
18	23041616	Phạm Thị Linh Chi	Chi	26.11.2005	QH.2023.F.1.K6.NN	FLF1107B 2			
19	23041617	Trần Quỳnh Chi	Chi	21.08.2005	QH.2023.F.1.K7.NN	FLF1107B 17			
20	23041618	Vũ Hà Chi	Chi	03.09.2005	QH.2023.F.1.K8.NN	FLF1107B 19			
21	23040789	Hoàng Thị Chinh	Chinh	01.04.2005	QH.2023.F.1.R1.NN	FLF1107B 9			
22	23040995	Nguyễn Hương Chung	Chung	05.11.2005	QH.2023.F.1.C3.NN	FLF1107B 4			
23	23041384	Mùng Linh Đan	Đan	10.04.2005	QH.2023.F.1.J3.NN	FLF1107B 9			

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 04.01.2024

Phòng thi 05 (508-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	23040792	Nguyễn Linh	Đan	07.05.2005	QH.2023.F.1.R1.NN	FLF1107B 14			
2	23041386	Bùi Đình Hải	Đặng	03.02.2005	QH.2023.F.1.J8.NN	FLF1107B 10			
3	23041633	Bùi Thị	Đào	08.07.2005	QH.2023.F.1.K8.NN	FLF1107B 2			
4	23041385	Nguyễn Thành	Đạt	11.08.2005	QH.2023.F.1.J7.NN	FLF1107B 12			
5	23041238	Trịnh Văn	Đạt	13.01.2005	QH.2023.F.1.G4.NN	FLF1107B 11			
6	23041841	Vũ Thị Ngọc	Diễm	06.11.2005	QH.2023.F.1.A1.NN	FLF1107B 3			
7	23041229	Lê Vũ Minh	Diệp	04.09.2005	QH.2023.F.1.G1.NN	FLF1107B 9			
8	23040996	Lữ Ngọc	Diệp	25.11.2005	QH.2023.F.1.C4.NN	FLF1107B 10			
9	23041230	Phạm Thị	Diệp	02.01.2005	QH.2023.F.1.G2.NN	FLF1107B 10			
10	23041621	Vi Thị Hương	Diệu	09.03.2005	QH.2023.F.1.K9.NN	FLF1107B 14			
11	23040997	Nguyễn Thị	Dinh	04.03.2005	QH.2023.F.1.C5.NN	FLF1107B 1			
12	23040998	Nguyễn Hồng	Doan	03.06.2005	QH.2023.F.1.C6.NN	FLF1107B 16			
13	23040794	Trần Minh	Đức	08.09.2005	QH.2023.F.1.R1.NN	FLF1107B 8			
14	23041231	Bùi Thị Thùy	Dung	03.06.2005	QH.2023.F.1.G3.NN	FLF1107B 9			
15	23041001	Đậu Thị Cẩm	Dung	05.09.2005	QH.2023.F.1.C7.NN	FLF1107B 4			
16	23040790	Lê Thị Thùy	Dung	05.12.2004	QH.2023.F.1.R2.NN	FLF1107B 16			
17	23041002	Lục Thị	Dung	27.06.2005	QH.2023.F.1.C8.NN	FLF1107B 1			
18	23040124	Ngô Thị	Dung	06.06.2005	QH.2023.F.1.C1.SP	FLF1107B 13			
19	23041003	Nguyễn Thị	Dung	01.12.2005	QH.2023.F.1.C2.NN	FLF1107B 15			
20	23041004	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	05.08.2005	QH.2023.F.1.C3.NN	FLF1107B 10			
21	23041374	Trần Thùy	Dung	15.11.2005	QH.2023.F.1.J5.NN	FLF1107B 5			
22	23041625	Vương Thị	Dung	02.11.2005	QH.2023.F.1.K2.NN	FLF1107B 19			
23	23041842	Trần Đức Trí	Dũng	04.10.2005	QH.2023.F.1.A1.NN	FLF1107B 8			

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 04.01.2024

Phòng thi 06 (601-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	23041377	Cao Thùy	Dương	04.08.2005	QH.2023.F.1.J6.NN	FLF1107B 12			
2	23041008	Đặng Thùy	Dương	23.02.2005	QH.2023.F.1.C9.NN4	FLF1107B 6			
3	23041378	Đào Thùy	Dương	17.01.2005	QH.2023.F.1.J7.NN	FLF1107B 4			
4	23040125	Dương Thùy	Dương	20.10.2005	QH.2023.F.1.C1.SP	FLF1107B 15			
5	23041234	Hứa Phạm Thùy	Dương	11.12.2005	QH.2023.F.1.G4.NN	FLF1107B 11			
6	23041009	Lê Thị Bạch	Dương	20.05.2005	QH.2023.F.1.C1.NN	FLF1107B 1			
7	23041379	Lê Thị Thùy	Dương	19.10.2005	QH.2023.F.1.J8.NN	FLF1107B 2			
8	23041381	Nguyễn Thị Ánh	Dương	08.12.2004	QH.2023.F.1.J9.NN	FLF1107B 8			
9	23041382	Nguyễn Thị Thùy	Dương	05.01.2005	QH.2023.F.1.J10.NN	FLF1107B 8			
10	23041383	Phan Nguyễn Tùng	Dương	12.11.2005	QH.2023.F.1.J6.NN	FLF1107B 7			
11	23041631	Tô Thùy	Dương	20.07.2005	QH.2023.F.1.K6.NN	FLF1107B 19			
12	23041632	Trần Thùy	Dương	05.02.2005	QH.2023.F.1.K7.NN	FLF1107B 2			
13	23040866	Đỗ Ngọc	Duy	09.06.2005	QH.2023.F.1.F1.NN	FLF1107B 7			
14	23041376	Phạm Đức	Duy		QH.2023.F.1.J3.NN	FLF1107B 8			
15	23041843	Phạm Lê	Duy	19.11.2005	QH.2023.F.1.A1.NN	FLF1107B 9			
16	23041627	Nguyễn Mỹ	Duyên	17.11.2005	QH.2023.F.1.K3.NN	FLF1107B 8			
17	23041628	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	18.03.2005	QH.2023.F.1.K4.NN	FLF1107B 12			
18	23041006	Phạm Thanh	Duyên	29.06.2005	QH.2023.F.1.C9.NN4	FLF1107B 15			
19	23040795	Hoàng Châu	Giang	30.01.2005	QH.2023.F.1.R2.NN	FLF1107B 11			
20	21041089	Hoàng Thị	Giang	30.07.2003	QH.2021.F.1.R1.NN	FLF1107B 6			
21	23041636	Hoàng Thị Trà	Giang	03.08.2005	QH.2023.F.1.K9.NN	FLF1107B 17			
22	23041391	Lâm Thị Hà	Giang	20.05.2005	QH.2023.F.1.J4.NN	FLF1107B 12			
23	22040885	Lê Thị	Giang	19.07.2004	QH.2022.F.1.F2.NN	FLF1107B 14			

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 04.01.2024

Phòng thi 07 (602-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	23041012	Lê Thị Hương	Giang	16.10.2005	QH.2023.F.1.C3.NN	FLF1107B 2			
2	23040127	Nguyễn Hương	Giang	05.11.2005	QH.2023.F.1.C1.SP	FLF1107B 1			
3	23041395	Nguyễn Ngân	Giang	24.12.2005	QH.2023.F.1.J6.NN	FLF1107B 5			
4	20040551	Nguyễn Thị	Giang	29.01.2002	QH.2021.F.1.R1.NN	FLF1107B 9			
5	23041638	Nguyễn Thị Hương	Giang	23.03.2005	QH.2023.F.1.K2.NN	FLF1107B 9			
6	23041397	Nguyễn Thị Hương	Giang	05.07.2005	QH.2023.F.1.J7.NN	FLF1107B 19			
7	23041014	Nguyễn Văn	Giang	08.04.2005	QH.2023.F.1.C4.NN	FLF1107B 4			
8	23041241	Trần Thị	Giang	20.11.2005	QH.2023.F.1.G1.NN	FLF1107B 1			

9	23041400	Trần Thị Hương	Giang	28.06.2005	QH.2023.F.1.J10.NN	FLF1107B 10		
10	23041399	Trần Tuệ	Giang	25.12.2005	QH.2023.F.1.J9.NN	FLF1107B 11		
11	23041401	Vũ Hương	Giang	09.06.2005	QH.2023.F.1.J3.NN	FLF1107B 15		
12	23040128	Vũ Ngọc	Giang	27.11.2005	QH.2023.F.1.C9.SP4	FLF1107B 3		
13	23041398	Phạm Hương	Giang	11.02.2005	QH.2023.F.1.J8.NN	FLF1107B 16		
14	23041643	Đỗ Việt	Hà	26.11.2005	QH.2023.F.1.K3.NN	FLF1107B 12		
15	23041243	Lê Bảo Khánh	Hà	15.07.2005	QH.2023.F.1.G2.NN	FLF1107B 10		
16	23041015	Lê Ngọc	Hà	25.05.2005	QH.2023.F.1.C5.NN	FLF1107B 10		
17	23041016	Lê Thị Thu	Hà	31.10.2005	QH.2023.F.1.C9.NN4	FLF1107B 15		
18	23041017	Nguyễn Hoàng Thanh	Hà	22.11.2005	QH.2023.F.1.C6.NN	FLF1107B 1		
19	23040871	Nguyễn Lê Minh	Hà	31.07.2005	QH.2023.F.1.F4.NN	FLF1107B 7		
20	23041018	Nguyễn Thị	Hà	26.03.2005	QH.2023.F.1.C7.NN	FLF1107B 15		
21	23041244	Nguyễn Thị Việt	Hà	12.08.2005	QH.2023.F.1.G3.NN	FLF1107B 13		
22	22041317	Đỗ Ngọc	Hà	03.04.2004	QH.2022.F.1.J7.NN	FLF1107B 16		
23	23040799	Hoàng Thị	Hạ	14.06.2005	QH.2023.F.1.R2.NN	FLF1107B 16		

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 04.01.2024

Phòng thi 08 (603-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	23040129	Nguyễn Thị	Hải	16.05.2005	QH.2023.F.1.C9.SP4	FLF1107B 2			
2	23040872	Nguyễn Thị Duyên	Hải	27.09.2005	QH.2023.F.1.F1.NN	FLF1107B 6			
3	23041844	Vy Ngọc	Hải	27.01.2005	QH.2023.F.1.A1.NN	FLF1107B 1			
4	23041647	Cao Nguyên	Hằng	08.05.2005	QH.2023.F.1.K4.NN	FLF1107B 19			
5	23041406	Đinh Thị Thanh	Hằng	01.10.2005	QH.2023.F.1.J4.NN	FLF1107B 11			
6	23041019	Đỗ Thị Thu	Hằng	02.08.2005	QH.2023.F.1.C8.NN	FLF1107B 2			
7	22040916	Nguyễn Thị Minh	Hằng	20.03.2004	QH.2022.F.1.F3.NN	FLF1107B 8			
8	22040933	Nguyễn Thị Thu	Hằng	07.09.2004	QH.2022.F.1.F4.NN	FLF1107B 6			
9	23041020	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	21.05.2005	QH.2023.F.1.C2.NN	FLF1107B 2			
10	23041407	Nguyễn Thu	Hằng	17.09.2005	QH.2023.F.1.J5.NN	FLF1107B 11			
11	23041845	Trần Lệ	Hằng	18.02.2005	QH.2023.F.1.A1.NN	FLF1107B 9			
12	23041021	Trần Thị Thanh	Hằng	29.04.2005	QH.2023.F.1.C1.NN	FLF1107B 15			
13	23040874	Dương Hồng	Hạnh	29.12.2005	QH.2023.F.1.F2.NN	FLF1107B 7			
14	23040875	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	09.01.2005	QH.2023.F.1.F3.NN	FLF1107B 6			
15	23040876	Phan Vũ Minh	Hạnh	16.04.2005	QH.2023.F.1.F4.NN	FLF1107B 7			
16	23041648	Hạ Thu	Hiền	09.08.2005	QH.2023.F.1.K5.NN	FLF1107B 15			
17	23041022	Bùi Thị Thu	Hiền	07.01.2005	QH.2023.F.1.C3.NN	FLF1107B 1			
18	23041024	Đinh Thị Minh	Hiền	19.11.2005	QH.2023.F.1.C4.NN	FLF1107B 10			
19	23041649	Mai Thảo	Hiền	20.12.2005	QH.2023.F.1.K6.NN	FLF1107B 4			

20	23040879	Nguyễn Minh	Hiền	13.12.2005	QH.2023.F.1.F1.NN	FLF1107B 6			
21	23041248	Nguyễn Thảo	Hiền	11.10.2005	QH.2023.F.1.G4.NN	FLF1107B 14			
22	23041846	Nguyễn Thị Thu	Hiền	03.12.2005	QH.2023.F.1.A1.NN	FLF1107B 13			
23	22041655	Trần Thị Thu	Hiền	26.04.2004	QH.2022.F.1.K7.NN	FLF1107B 14			

Danh sách gồm: *sinh viên*

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 04.01.2024

Phòng thi 09 (604-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	23041411	Trình Thu	Hiền	17.11.2005	QH.2023.F.1.J6.NN	FLF1107B 4			
2	23041412	Lê Xuân	Hiền	18.06.2005	QH.2023.F.1.J9.NN	FLF1107B 16			
3	23041414	Lê Hồng	Hiệp	13.04.2005	QH.2023.F.1.J10.NN	FLF1107B 2			
4	23041025	Đặng Hoàng Minh	Hiếu	10.09.2005	QH.2023.F.1.C7.NN	FLF1107B 10			
5	23040800	Nguyễn Chí	Hiếu	31.01.2005	QH.2023.F.1.R2.NN	FLF1107B 15			
6	23040880	Phạm Minh	Hiếu	11.07.2005	QH.2023.F.1.F1.NN	FLF1107B 7			
7	21041707	Phan Thiện Minh	Hiếu	23.08.2003	QH.2022.F.1.A1.NN	FLF1107B 3			
8	23041027	Ngô Thị Mai	Hoa	05.02.2005	QH.2023.F.1.C5.NN	FLF1107B 13			
9	23040881	Nguyễn Bảo	Hoa	20.12.2005	QH.2023.F.1.F2.NN	FLF1107B 6			
10	23040882	Nguyễn Thị	Hoa	14.08.2005	QH.2023.F.1.F3.NN	FLF1107B 7			
11	23041250	Nguyễn Thị Mỹ	Hoa	04.10.2005	QH.2023.F.1.G1.NN	FLF1107B 2			
12	23041029	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	07.09.2005	QH.2023.F.1.C4.NN	FLF1107B 12			
13	23040801	Nguyễn Thị	Hòa	22.01.2005	QH.2023.F.1.R1.NN	FLF1107B 13			
14	23041416	Phùng Thị Thanh	Hòa	29.05.2005	QH.2023.F.1.J7.NN	FLF1107B 5			
15	22040894	Ngô Thị	Hoài	03.01.2004	QH.2022.F.1.F4.NN	FLF1107B 15			
16	23041417	Nguyễn Thị Thu	Hoài	10.10.2005	QH.2023.23J8.NN	FLF1107B 12			
17	23041654	Nguyễn Thị Thu	Hoài	29.03.2005	QH.2023.F.1.K7.NN	FLF1107B 17			
18	23041655	Lại Quỳnh	Hoan	10.11.2005	QH.2023.F.1.K8.NN	FLF1107B 19			
19	23041030	Trần Minh	Hoàn	03.09.2005	QH.2023.F.1.C6.NN	FLF1107B 14			
20	23041418	Đỗ Văn	Hoàng	19.09.1997	QH.2023.F.1.J4.NN	FLF1107B 8			
21	23041847	Lê Minh	Hoàng	09.01.2005	QH.2023.F.1.A1.NN	FLF1107B 1			
22	23040884	Lê Việt	Hoàng	15.01.1999	QH.2023.F.1.F1.NN	FLF1107B 7			
23	23041848	Bùi Thị	Hồng	21.07.2005	QH.2023.F.1.A1.NN	FLF1107B 19			

Danh sách gồm: *sinh viên*

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI

HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1

HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 04.01.2024

Phòng thi 10 (606-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	23041660	Đặng Thị	Huế	09.11.2005	QH.2023.F.1.K9.NN	FLF1107B 17			
2	23041033	Lê Hồng	Huế	05.06.2005	QH.2023.F.1.C7.NN	FLF1107B 14			
3	23040151	Nguyễn Hoàng	Huế	22.06.2005	QH.2023.F.1.J1.SP	FLF1107B 12			
4	23040885	Nguyễn Thị	Huế	05.02.2005	QH.2023.F.1.F4.NN	FLF1107B 7			
5	23041035	Nguyễn Thị Kim	Huế	30.06.2005	QH.2023.F.1.C8.NN	FLF1107B 5			
6	23041849	Trương Mạnh	Hùng	14.09.2004	QH.2023.F.1.A1.NN	FLF1107B 1			
7	23041427	Đình Việt	Hung	06.01.2005	QH.2023.F.1.J4.NN	FLF1107B 17			
8	23040892	Đông Quốc	Hung	10.04.2005	QH.2023.F.1.F4.NN	FLF1107B 7			
9	23041428	Bùi Minh	Hương	17.11.2005	QH.2023.F.1.J5.NN	FLF1107B 9			
10	23041430	Hoàng Lan	Hương	29.09.2005	QH.2023.F.1.J6.NN	FLF1107B 7			
11	23041431	Hoàng Thu	Hương	02.09.2005	QH.2023.F.1.J7.NN	FLF1107B 4			
12	23041678	Ngô Hà Linh	Hương	21.05.2005	QH.2023.F.1.K3.NN	FLF1107B 11			
13	23040803	Nguyễn Thanh	Hương	15.08.2005	QH.2023.F.1.R1.NN	FLF1107B 2			
14	23041432	Nguyễn Thị	Hương	21.12.2004	QH.2023.F.1.J8.NN	FLF1107B 5			
15	23041679	Nguyễn Thu	Hương	18.02.2004	QH.2023.F.1.K4.NN	FLF1107B 10			
16	23040172	Nông Thị Diệp	Hương	18.10.2005	QH.2023.F.1.K1.SP	FLF1107B 4			
17	21041733	Phan Lê Ngọc	Hương	15.06.2003	QH.2022.F.1.A1.NN	FLF1107B 1			
18	23040893	Trần Thu	Hương	09.02.2005	QH.2023.F.1.F4.NN	FLF1107B 7			
19	23041049	Vũ Thị Lan	Hương	02.10.2005	QH.2023.F.1.C6.NN	FLF1107B 1			
20	23041434	Vũ Thị Thu	Hương	10.12.2005	QH.2023.F.1.J10.NN	FLF1107B 19			
21	22040205	Trần Thúy	Hường	19.02.2004	QH.2022.F.1.G1.SP	FLF1107B 19			
22	23041680	Vũ Thị	Hường	22.09.2005	QH.2023.F.1.K5.NN	FLF1107B 17			
23	23041433	Phùng Đình	Hương	12.07.2005	QH.2023.F.1.J9.NN	FLF1107B 16			

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI

HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1

HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 04.01.2024

Phòng thi 11 (607-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	23041662	Nguyễn Quốc	Huy	15.02.2005	QH.2023.F.1.K3.NN	FLF1107B 5			
2	23041421	Bùi Diệu	Huyền	04.09.2005	QH.2023.F.1.J9.NN	FLF1107B 5			
3	23041663	Chu Thị Thanh	Huyền	24.08.2004	QH.2023.F.1.K2.NN	FLF1107B 5			
4	23041423	Đậu Thị Khánh	Huyền	18.07.2004	QH.2023.F.1.J10.NN	FLF1107B 19			

5	23041039	Dương Khánh	Huyền	02.11.2005	QH.2023.F.1.C5.NN	FLF1107B 2			
6	23040131	Hoàng Ngọc	Huyền	29.07.2005	QH.2023.F.1.C1.SP	FLF1107B 3			
7	23041664	Lã Khánh	Huyền	04.05.2005	QH.2023.F.1.K3.NN	FLF1107B 12			
8	23041665	Lê Thị	Huyền	13.10.2005	QH.2023.F.1.K4.NN	FLF1107B 17			
9	23041424	Lê Thị Khánh	Huyền	06.11.2005	QH.2023.F.1.J3.NN	FLF1107B 3			
10	23040888	Lê Thị Thu	Huyền	14.05.2005	QH.2023.F.1.F1.NN	FLF1107B 6			
11	23041667	Nguyễn Khánh	Huyền	10.10.2005	QH.2023.F.1.K5.NN	FLF1107B 19			
12	22041068	Nguyễn Minh	Huyền	19.09.2004	QH.2022.F.1.C4.NN	FLF1107B 12			
13	23041935	Nguyễn Phương	Huyền	05.04.2005	QH.2023.F.1.J7.NN	FLF1107B 6			
14	23041042	Nguyễn Thanh	Huyền	13.01.2005	QH.2023.F.1.C9.NN4	FLF1107B 6			
15	23040889	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	23.01.2005	QH.2023.F.1.F2.NN	FLF1107B 6			
16	23041669	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	27.08.2005	QH.2023.F.1.K6.NN	FLF1107B 19			
17	23041670	Nguyễn Thu	Huyền	29.07.2005	QH.2023.F.1.K7.NN	FLF1107B 3			
18	23041044	Nguyễn Thu	Huyền	25.08.2005	QH.2023.F.1.C3.NN	FLF1107B 15			
19	23040891	Phạm Thanh	Huyền	11.03.2005	QH.2023.F.1.F3.NN	FLF1107B 6			
20	23041671	Phạm Thị Khánh	Huyền	03.08.2005	QH.2023.F.1.K8.NN	FLF1107B 5			
21	23041672	Phan Thị Thanh	Huyền	03.07.2004	QH.2023.F.1.K9.NN	FLF1107B 12			
22	23041673	Trần Khánh	Huyền	29.03.2005	QH.2023.F.1.K2.NN	FLF1107B 11			
23	23041045	Trần Thị Thu	Huyền	12.06.2005	QH.2023.F.1.C4.NN	FLF1107B 15			

Danh sách gồm: **sinh viên**

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: **04.01.2024**

Phòng thi **12 (608-A2)**

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	23040802	Trần Thu	Huyền	22.06.2005	QH.2023.F.1.R2.NN	FLF1107B 11			
2	23041426	Vũ Thị	Huyền	03.04.2005	QH.2023.F.1.J4.NN	FLF1107B 14			
3	23041046	Vũ Thu	Huyền	05.10.2005	QH.2023.F.1.C5.NN	FLF1107B 1			
4	23041038	Nguyễn Thị Kim	Huyền	21.04.2005	QH.2023.F.1.C2.NN	FLF1107B 16			
5	23041675	Vũ Quang	Huỳnh	10.02.2005	QH.2023.F.1.K4.NN	FLF1107B 17			
6	23041437	Bùi Duy	Khánh	02.09.2005	QH.2023.F.1.J2.NN3.D6	FLF1107B 15			
7	23041051	Dương Thị Ngọc	Khánh	08.10.2005	QH.2023.F.1.C7.NN	FLF1107B 12			
8	22040891	Lưu Ngọc	Khánh	28.07.2004	QH.2022.F.1.F1.NN	FLF1107B 6			
9	23041438	Trịnh Lê Vân	Khánh	05.01.2005	QH.2023.F.1.J3.NN	FLF1107B 12			
10	23041439	Nguyễn Văn	Khoa	14.10.2003	QH.2023.F.1.J2.NN3.D6	FLF1107B 10			
11	23041053	Đình Thu	Khuyến	03.06.2005	QH.2023.F.1.C2.NN	FLF1107B 8			
12	23040173	Vũ Thị	Kiều	11.08.2005	QH.2023.F.1.K1.SP	FLF1107B 12			
13	23041054	Lê Thị	Lam	05.08.2005	QH.2023.F.1.C8.NN	FLF1107B 17			
14	23041055	Võ Phạm Thiên	Lam	25.10.2005	QH.2023.F.1.C2.NN	FLF1107B 15			
15	23041060	Nguyễn Tùng	Lâm	15.09.2005	QH.2023.F.1.C8.NN	FLF1107B 15			

16	23040808	Trần Hiếu	Lâm	15.06.2005	QH.2023.F.1.R1.NN	FLF1107B 13			
17	23041444	Nguyễn Huệ	Lâm	22.04.2005	QH.2023.F.1.J2.NN3.D6	FLF1107B 16			
18	23041441	Lê Thị Phương	Lan	19.11.2005	QH.2023.F.1.J4.NN	FLF1107B 3			
19	23041058	Phạm Ngọc	Lan	15.12.2005	QH.2023.F.1.C1.NN	FLF1107B 13			
20	22041677	Phạm Thị Ngọc	Lan	05.04.2003	QH.2022.F.1.K7.NN	FLF1107B 14			
21	23041059	Vũ Thị Ngọc	Lan	09.10.2005	QH.2023.F.1.C3.NN	FLF1107B 14			
22	23041442	Nguyễn Ngọc	Lan	07.10.2005	QH.2023.F.1.J5.NN	FLF1107B 4			
23	22040203	Nguyễn Thị Ngọc	Lễ	01.01.2004	QH.2022.F.1.G1.SP	FLF1107B 14			

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 04.01.2024

Phòng thi 13 (610-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	23040152	Bùi Thị Mỹ	Lệ	19.02.2005	QH.2023.F.1.J1.SP	FLF1107B 4			
2	22041376	Nguyễn Nhật	Lệ	02.12.2004	QH.2023.F.1.J6.NN	FLF1107B 4			
3	23040896	Nguyễn Nhật	Lệ	19.01.2005	QH.2023.F.1.F1.NN	FLF1107B 7			
4	23041062	Quách Thị Nhật	Lệ	14.01.2005	QH.2023.F.1.C5.NN	FLF1107B 11			
5	23041063	Tô Thị	Lệ	24.10.2005	QH.2023.F.1.C9.NN4	FLF1107B 2			
6	23041061	Bùi Thị	Lệ	14.09.2005	QH.2023.F.1.C4.NN	FLF1107B 16			
7	23041682	Nguyễn Thị Kim	Liên	19.03.2005	QH.2023.F.1.K6.NN	FLF1107B 12			
8	23040897	Bạch Thị Thùy	Linh	19.08.2005	QH.2023.F.1.F2.NN	FLF1107B 6			
9	23040810	Bùi Hoàng Phương	Linh	20.06.2005	QH.2023.F.1.R2.NN	FLF1107B 15			
10	23041684	Bùi Thị Khánh	Linh	07.07.2005	QH.2023.F.1.K7.NN	FLF1107B 19			
11	23041066	Đặng Thị Khánh	Linh	01.10.2005	QH.2023.F.1.C7.NN	FLF1107B 2			
12	23041067	Đặng Trần Khánh	Linh	13.02.2005	QH.2023.F.1.C8.NN	FLF1107B 14			
13	23040174	Đào Khánh	Linh	15.09.2005	QH.2023.F.1.K1.SP	FLF1107B 8			
14	23040899	Đào Ngọc	Linh	20.10.2005	QH.2023.F.1.F4.NN	FLF1107B 6			
15	23041686	Đào Ngọc	Linh	18.09.2005	QH.2023.F.1.K8.NN	FLF1107B 6			
16	23040175	Đào Thị	Linh	19.08.2004	QH.2023.F.1.K1.SP	FLF1107B 5			
17	23041446	Đào Thị Ngọc	Linh	25.08.2005	QH.2023.F.1.J7.NN	FLF1107B 19			
18	23041688	Điền Thuý	Linh	20.02.2005	QH.2023.F.1.K2.NN	FLF1107B 17			
19	23041445	Dương Khánh	Linh	24.10.2005	QH.2023.F.1.J6.NN	FLF1107B 5			
20	23041447	Hà Khánh	Linh	02.05.2005	QH.2023.F.1.J8.NN	FLF1107B 11			
21	23040811	Hà Thị Mai	Linh	25.07.2005	QH.2023.F.1.R1.NN	FLF1107B 5			
22	23041068	Hoàng Thị Ngọc	Linh	16.03.2005	QH.2023.F.1.C2.NN	FLF1107B 13			
23	23041689	Lê Phương Thủy	Linh	22.03.2005	QH.2023.F.1.K2.NN	FLF1107B 9			

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 04.01.2024

Phòng thi 14 (611-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	23041262	Lê Thùy	Linh	07.10.2005	QH.2023.F.1.G3.NN	FLF1107B 10			
2	23041263	Lê Trần Yến	Linh	23.11.2005	QH.2023.F.1.G4.NN	FLF1107B 9			
3	23041690	Lưu Ngọc	Linh	22.04.2005	QH.2023.F.1.K3.NN	FLF1107B 4			
4	23041852	Ngô Hải	Linh	12.08.2005	QH.2023.F.1.A1.NN	FLF1107B 5			
5	23041691	Nguyễn Diệu	Linh	03.09.2005	QH.2023.F.1.K4.NN	FLF1107B 11			
6	23040812	Nguyễn Đỗ Phương	Linh	28.12.2005	QH.2023.F.1.R2.NN	FLF1107B 11			
7	23041451	Nguyễn Hải	Linh	11.10.2005	QH.2023.F.1.J3.NN	FLF1107B 19			
8	23041692	Nguyễn Hồng Hải	Linh	09.04.2005	QH.2023.F.1.K5.NN	FLF1107B 19			
9	23041452	Nguyễn Khánh	Linh	02.09.2005	QH.2023.F.1.J4.NN	FLF1107B 5			
10	23041071	Nguyễn Kim Nhật	Linh	05.01.2005	QH.2023.F.1.C4.NN	FLF1107B 13			
11	23040177	Nguyễn Lê Khánh	Linh	04.08.2005	QH.2023.F.1.K1.SP	FLF1107B 8			
12	23041454	Nguyễn Ngọc	Linh	29.03.2005	QH.2023.F.1.J5.NN	FLF1107B 10			
13	23041458	Nguyễn Phương	Linh	28.01.2005	QH.2023.F.1.J7.NN	FLF1107B 5			
14	23041456	Nguyễn Phương	Linh	30.09.2005	QH.2023.F.1.J6.NN	FLF1107B 8			
15	23041072	Nguyễn Phương	Linh	21.08.2005	QH.2023.F.1.C9.NN4	FLF1107B 14			
16	23040903	Nguyễn Thảo	Linh	01.12.2005	QH.2023.F.1.F3.NN	FLF1107B 7			
17	23041074	Nguyễn Thị	Linh	23.02.2005	QH.2023.F.1.C6.NN	FLF1107B 13			
18	23040814	Nguyễn Thị Khánh	Linh	17.09.2005	QH.2023.F.1.R2.NN	FLF1107B 3			
19	23041073	Nguyễn Thị Kiều	Linh	12.05.2005	QH.2023.F.1.C5.NN	FLF1107B 12			
20	23041460	Nguyễn Thị Mai	Linh	29.04.2005	QH.2023.F.1.J8.NN	FLF1107B 2			
21	23041461	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	01.09.2005	QH.2023.F.1.J9.NN	FLF1107B 3			
22	23041695	Nguyễn Thị Thùy	Linh	20.02.2005	QH.2023.F.1.K7.NN	FLF1107B 2			
23	23040815	Nguyễn Thị Thùy	Linh	24.10.2005	QH.2023.F.1.R1.NN	FLF1107B 8			

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 04.01.2024

Phòng thi 15 (701-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	

1	23041076	Nguyễn Thùy	Linh	28.12.2005	QH.2023.F.1.C9.NN4	FLF1107B 8			
2	23041464	Phạm Khánh	Linh	22.07.2005	QH.2023.F.1.J3.NN	FLF1107B 1			
3	23041078	Phạm Thị Khánh	Linh	13.08.2005	QH.2023.F.1.C7.NN	FLF1107B 1			
4	23041696	Phan Vũ Khánh	Linh	29.07.2005	QH.2023.F.1.K8.NN	FLF1107B 4			
5	23041697	Phó Ngọc	Linh	27.11.2005	QH.2023.F.1.K9.NN	FLF1107B 11			
6	23040907	Phùng Diệu	Linh	19.01.2005	QH.2023.F.1.F2.NN	FLF1107B 7			
7	23041268	Tăng Thị Khánh	Linh	10.11.2005	QH.2023.F.1.G1.NN	FLF1107B 1			
8	23041466	Trần Khánh	Linh	01.11.2005	QH.2023.F.1.J4.NN	FLF1107B 8			
9	23041080	Trần Thị Phương	Linh	19.06.2005	QH.2023.F.1.C8.NN	FLF1107B 1			
10	23041702	Trần Thùy	Linh	27.06.2005	QH.2023.F.1.K2.NN	FLF1107B 2			
11	23041081	Trần Vũ Gia	Linh	10.09.2005	QH.2023.F.1.C9.NN4	FLF1107B 2			
12	23041469	Triệu Ngọc	Linh	15.04.2005	QH.2023.F.1.J6.NN	FLF1107B 6			
13	23041704	Vũ Thị Ngọc	Linh	20.09.2004	QH.2023.F.1.K4.NN	FLF1107B 14			
14	23041065	Bùi Thị Khánh	Linh	09.04.2005	QH.2023.F.1.C6.NN	FLF1107B 16			
15	23041083	Hứa Thị Thanh	Loan	22.02.2005	QH.2023.F.1.C2.NN	FLF1107B 13			
16	22041136	Trần Phương	Loan	09.11.2003	QH.2022.F.1.C3.NN	FLF1107B 4			
17	23041270	Đỗ Đại	Lộc	12.02.2003	QH.2023.F.1.G2.NN	FLF1107B 1			
18	23041472	Hoàng Xuân	Lộc	22.08.2005	QH.2023.F.1.J6.NN	FLF1107B 3			
19	23041271	Nguyễn Gia	Lộc	23.08.2005	QH.2023.F.1.G3.NN	FLF1107B 9			
20	22041058	Phạm Thị	Lộc	03.08.2004	QH.2022.F.1.C6.NN	FLF1107B 1			
21	23041272	Đình Quốc	Lợi	23.05.2005	QH.2023.F.1.G4.NN	FLF1107B 11			
22	22040031	Lương Minh	Lợi	29.02.2004	QH.2022.F.1.C3.NN	FLF1107B 9			
23	23041471	Nguyễn Quang	Long	09.08.2005	QH.2023.F.1.J5.NN	FLF1107B 3			

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 04.01.2024

Phòng thi 16 (702-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	23041084	Nguyễn Thị	Lưu	07.01.2005	QH.2023.F.1.C3.NN	FLF1107B 9			
2	23041273	Bùi Khánh	Ly	29.03.2005	QH.2023.F.1.G2.NN	FLF1107B 10			
3	23041473	Cao Khánh	Ly	12.02.2005	QH.2023.F.1.J7.NN	FLF1107B 14			
4	23041085	Đỗ Phương	Ly	02.01.2005	QH.2023.F.1.C9.NN4	FLF1107B 6			
5	23041086	Đỗ Thị Cẩm	Ly	13.02.2005	QH.2023.F.1.C4.NN	FLF1107B 15			
6	23041087	Hà Khánh	Ly	15.05.2005	QH.2023.F.1.C5.NN	FLF1107B 11			
7	23041088	Hoàng Khánh	Ly	14.11.2005	QH.2023.F.1.C6.NN	FLF1107B 13			
8	23041089	Lê Khánh	Ly	23.10.2005	QH.2023.F.1.C7.NN	FLF1107B 15			
9	23041707	Nguyễn Cẩm	Ly	31.08.2005	QH.2023.F.1.K5.NN	FLF1107B 10			
10	23041091	Nguyễn Khánh	Ly	30.11.2005	QH.2023.F.1.C2.NN	FLF1107B 9			
11	23041090	Nguyễn Khánh	Ly	14.09.2005	QH.2023.F.1.C8.NN	FLF1107B 9			

12	23041708	Nguyễn Thị Vân	Ly	13.11.2005	QH.2023.F.1.K6.NN	FLF1107B 19			
13	23041093	Tổng Phương	Ly	08.10.2005	QH.2023.F.1.C6.NN	FLF1107B 14			
14	23041476	Trần Diệu	Ly	17.11.2005	QH.2023.F.1.J9.NN	FLF1107B 11			
15	23041477	Trần Thị Phương	Ly	11.05.2005	QH.2023.F.1.J10.NN	FLF1107B 5			
16	23041096	Phạm Thị Thảo	Mai	19.07.2005	QH.2023.F.1.C5.NN	FLF1107B 1			
17	23040913	Đàm Thị Ngọc	Mai	24.12.2005	QH.2023.F.1.F1.NN	FLF1107B 7			
18	23040816	Đỗ Thị Ngọc	Mai	27/05/2005	QH.2023.F.1.R2.NN	FLF1107B 19			
19	23041710	Đoàn Ngọc	Mai	29.09.2005	QH.2023.F.1.K7.NN	FLF1107B 17			
20	23041711	Đoàn Thanh	Mai	28.07.2005	QH.2023.F.1.K8.NN	FLF1107B 5			
21	22041262	Dương Thị	Mai	04.02.2003	QH.2022.F.1.G4.NN	FLF1107B 17			
22	23041712	Giàng Ngọc	Mai	07.01.2005	QH.2023.F.1.K9.NN	FLF1107B 14			
23	23041478	Hà Thị Tuyết	Mai	26.01.2005	QH.2023.F.1.J3.NN	FLF1107B 19			

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 04.01.2024

Phòng thi 17 (703-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	23041713	Lê Thị Ngọc	Mai	14.02.2005	QH.2023.F.1.K2.NN	FLF1107B 9			
2	22041397	Nguyễn Hồng	Mai	17.10.2004	QH.2022.F.1.J3.NN	FLF1107B 9			
3	22040834	Nguyễn Ngọc	Mai	09.06.2004	QH.2022.F.1.F2.NN	FLF1107B 14			
4	23041095	Nguyễn Phúc Ban	Mai	18.12.2005	QH.2023.F.1.C4.NN	FLF1107B 12			
5	23040915	Nguyễn Thanh	Mai	13.03.2005	QH.2023.F.1.F2.NN	FLF1107B 6			
6	23041714	Nguyễn Thị	Mai	03.06.2005	QH.2023.F.1.K3.NN	FLF1107B 3			
7	23041716	Phùng Thị Quỳnh	Mai	19.08.2005	QH.2023.F.1.K5.NN	FLF1107B 12			
8	23041482	Thịnh Ngọc	Mai	22.08.2005	QH.2023.F.1.J2.NN3.D6	FLF1107B 1			
9	23041481	Tô Quỳnh	Mai	11.09.2005	QH.2023.F.1.J5.NN	FLF1107B 14			
10	23041715	Nguyễn Thị	Mai	06.06.2005	QH.2023.F.1.K4.NN	FLF1107B 16			
11	23041484	Lê Diệu	Mẫn	12.11.2005	QH.2023.F.1.J6.NN	FLF1107B 8			
12	23041276	Nguyễn Diệu	Mẫn	15.11.2005	QH.2023.F.1.G3.NN	FLF1107B 14			
13	21040251	Bùi Văn	Mạnh	30.12.2003	QH.2020.F.1.C10.NN23	FLF1107B 6			
14	23040918	Hoàng Hùng	Mạnh	16.02.2005	QH.2023.F.1.F1.NN	FLF1107B 6			
15	23041097	Lê Duy	Mạnh	13.10.2005	QH.2023.F.1.C9.NN4	FLF1107B 7			
16	23041485	Trịnh Thị	Mây	27.06.2005	QH.2023.F.1.J7.NN	FLF1107B 3			
17	23041099	Hứa Văn	Minh	04.01.2005	QH.2023.F.1.C3.NN	FLF1107B 9			
18	23041103	Nguyễn Đức Nguyệt	Minh	07.07.2005	QH.2023.F.1.C9.NN4	FLF1107B 15			
19	23041720	Nguyễn Thị Nguyệt	Minh	14.05.2005	QH.2023.F.1.K6.NN	FLF1107B 8			
20	23041278	Trương Ngọc	Minh	23.01.2005	QH.2023.F.1.G4.NN	FLF1107B 9			
21	23041493	Nguyễn Trà	My	04.02.2005	QH.2023.F.1.J10.NN	FLF1107B 19			
22	23041491	Bùi Thị Trà	My	09.12.2005	QH.2023.F.1.J9.NN	FLF1107B 6			

23	23040921	Bùi Trà	My	21.09.2005	QH.2023.F.1.F1.NN	FLF1107B 6			
----	----------	---------	----	------------	-------------------	------------	--	--	--

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 04.01.2024

Phòng thi 18 (704-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	23041280	Đặng Thị Trà	My	23.01.2005	QH.2023.F.1.G1.NN	FLF1107B 5			
2	23040154	Hoàng Trà	My	22.08.2005	QH.2023.F.1.J1.SP	FLF1107B 17			
3	23041494	Nguyễn Trà	My	19.11.2005	QH.2023.F.1.J3.NN	FLF1107B 19			
4	23041495	Phạm Thị Huyền	My	03.06.2005	QH.23.F1.J2.NN3.D6	FLF1107B 2			
5	23041496	Võ Trà	My	29.08.2005	QH.2023.F.1.J4.NN	FLF1107B 10			
6	23041497	Vũ Thị Trà	My	27.08.2005	QH.2023.F.1.J5.NN	FLF1107B 2			
7	23041498	Trần Ly	Na	27.09.2005	QH.2023.F.1.J6.NN	FLF1107B 19			
8	23041105	Hoàng Phương	Nga	15.05.2005	QH.2023.F.1.C7.NN	FLF1107B 10			
9	23040820	Nguyễn Thị Hương	Nga	21.03.2005	QH.2023.F.1.R2.NN	FLF1107B 11			
10	23040922	Vũ Hằng	Nga	08.02.2005	QH.2023.F.1.F2.NN	FLF1107B 7			
11	23040923	Vũ Thị	Nga	29.01.2005	QH.2023.F.1.F3.NN	FLF1107B 6			
12	23041725	Nguyễn Thị Thanh	Nga	24.10.2005	QH.2023.F.1.K9.NN	FLF1107B 16			
13	23041285	Phạm Thị Kim	Ngân	23.04.2005	QH.2023.F.1.G3.NN	FLF1107B 1			
14	23041108	Đỗ Thị Thùy	Ngân	27.04.2005	QH.2023.F.1.C2.NN	FLF1107B 9			
15	23041500	Lê Thị	Ngân	04.12.2005	QH.2023.F.1.J7.NN	FLF1107B 12			
16	23041110	Nguyễn Thị Kim	Ngân	22.03.2005	QH.2023.F.1.C3.NN	FLF1107B 1			
17	23041501	Phùng Thuý	Ngân	09.10.2005	QH.2023.23J8.NN	FLF1107B 12			
18	23041112	Vũ Thị Thúy	Ngân	10.07.2005	QH.2023.F.1.C4.NN	FLF1107B 13			
19	23041856	Ngô Thanh	Ngân	30.12.2005	QH.2023.F.1.A1.NN	FLF1107B 16			
20	23041727	Phạm Thị	Ngát	24.10.2005	QH.2023.F.1.K2.NN	FLF1107B 12			
21	23041731	Trần Văn	Nghị	15/06/2005	QH2023.F1.K6.NN	FLF1107B 8			
22	19041448	Hoàng Trung	Nghĩa	18.12.1998	QH.2019.F.1.G4.NN	FLF1107B 16			
23	23041286	Chu Minh	Ngọc	27.11.2005	QH.2023.F.1.G4.NN	FLF1107B 8			

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 04.01.2024

Phòng thi 19 (706-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	23041857	Đinh Thị Khánh	Ngọc	09.04.2005	QH.2023.F.1.A1.NN	FLF1107B 9			
2	23041114	Lê Thảo	Ngọc	02.08.2005	QH.2023.F.1.C9.NN4	FLF1107B 15			
3	23041733	Lê Thị Bích	Ngọc	29.12.2005	QH.2023.F.1.K3.NN	FLF1107B 10			
4	23041735	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	10.12.2005	QH.2023.F.1.K4.NN	FLF1107B 3			
5	23041115	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	03.01.2005	QH.2023.F.1.C5.NN	FLF1107B 11			
6	23041858	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	31.12.2005	QH.2023.F.1.A1.NN	FLF1107B 14			
7	23041505	Nguyễn Thu	Ngọc	21.12.2004	QH.2023.F.1.J10.NN	FLF1107B 12			
8	23041736	Phạm Bảo	Ngọc	20.05.2005	QH.2023.F.1.K5.NN	FLF1107B 9			
9	22040884	Trần Thị Ánh	Ngọc	21.02.2003	QH.2022.F.1.F4.NN	FLF1107B 6			
10	23041506	Trần Vũ Khánh	Ngọc	26.10.2005	QH.2023.F.1.J3.NN	FLF1107B 10			
11	23041287	Nguyễn Khánh	Ngọc	20.08.2005	QH.2023.F.1.G1.NN	FLF1107B 16			
12	23041507	Thái Phi	Nguyễn	28.04.2005	QH.2023.F.1.J7.NN	FLF1107B 6			
13	23041117	Đỗ Thị Minh	Nguyễn	08.06.2005	QH.2023.F.1.C6.NN	FLF1107B 5			
14	23041118	Đỗ Thị Thanh	Nguyễn	12.06.2005	QH.2023.F.1.C9.NN4	FLF1107B 9			
15	23041119	Hoàng Minh	Nguyễn	26.12.2004	QH.2023.F.1.C7.NN	FLF1107B 10			
16	23041120	Trần Thị	Nguyễn	23.03.2005	QH.2023.F.1.C8.NN	FLF1107B 4			
17	23041121	Vũ Thị Minh	Nguyễn	14.01.2005	QH.2023.F.1.C2.NN	FLF1107B 9			
18	23041740	Nguyễn Thị Hương	Nhài	07.12.2005	QH.2023.F.1.K7.NN	FLF1107B 11			
19	23040823	Phạm Thị	Nhài	22.08.2005	QH.2023.F.1.R1.NN	FLF1107B 2			
20	23041741	Trần Thị	Nhài	25.11.2005	QH.2023.F.1.K8.NN	FLF1107B 6			
21	22041103	Đặng Thị Thanh	Nhàn	12.04.2004	QH.2022.F.1.C1.NN	FLF1107B 3			
22	23041122	Nguyễn Thu	Nhàn	14.09.2005	QH.2023.F.1.C3.NN	FLF1107B 17			
23	23041292	Nguyễn Thị	Nhân	06.04.2005	QH.2023.F.1.G3.NN	FLF1107B 2			

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 04.01.2024

Phòng thi 20 (707-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	23041742	Bùi Nguyễn Yến	Nhi	25.07.2005	QH.2023.F.1.K9.NN	FLF1107B 11			
2	23041743	Bùi Yến	Nhi	26.02.2005	QH.2023.F.1.K2.NN	FLF1107B 19			
3	23041744	Đào Quỳnh	Nhi	27.02.2005	QH.2023.F.1.K3.NN	FLF1107B 9			
4	23041745	Đinh Thị Yến	Nhi	16.03.2005	QH.2023.F.1.K4.NN	FLF1107B 10			
5	23041124	Đinh Thị Yến	Nhi	26.07.2005	QH.2023.F.1.C5.NN	FLF1107B 16			
6	23041509	Đỗ Yến	Nhi	24.05.2005	QH.2023.F.1.J4.NN	FLF1107B 16			
7	23041123	Dương Yến	Nhi	06.09.2005	QH.2023.F.1.C4.NN	FLF1107B 15			
8	23041510	Hoàng Yến	Nhi	16.01.2005	QH.2023.F.1.J5.NN	FLF1107B 16			

9	23041294	Lê Đoàn Lan	Nhi	26.04.2005	QH.2023.F.1.G4.NN	FLF1107B 10		
10	23041748	Lê Thị Tâm	Nhi	17.05.2005	QH.2023.F.1.K5.NN	FLF1107B 11		
11	23040929	Lục Bình	Nhi	12.09.2005	QH.2023.F.1.F4.NN	FLF1107B 7		
12	23041511	Mai Yến	Nhi	10.05.2005	QH.2023.F.1.J6.NN	FLF1107B 19		
13	23040825	Nguyễn Khánh	Nhi	15.08.2005	QH.2023.F.1.R1.NN	FLF1107B 11		
14	23041934	Nguyễn Thị Mai	Nhi	12.05.2005	QH.2023.F.1.K1.SP	FLF1107B 17		
15	23040931	Nguyễn Thúy	Nhi	12.08.2005	QH.2023.F.1.F1.NN	FLF1107B 6		
16	23041126	Nguyễn Yến	Nhi	20.12.2004	QH.2023.F.1.C7.NN	FLF1107B 4		
17	23041861	Nguyễn Yến	Nhi	21.02.2005	QH.2023.F.1.A1.NN	FLF1107B 5		
18	23041750	Phạm Yến	Nhi	23.09.2005	QH.2023.F.1.K6.NN	FLF1107B 12		
19	23041513	Phạm Yến	Nhi	05.10.2005	QH.2023.F.1.J7.NN	FLF1107B 13		
20	23041752	Trần Thảo	Nhi	01.11.2005	QH.2023.F.1.K7.NN	FLF1107B 3		
21	23040933	Vương Yến	Nhi	02.10.2005	QH.2023.F.1.F3.NN	FLF1107B 7		
22	23041754	Đậu Ái	Như	08.03.2005	QH.2023.F.1.K9.NN	FLF1107B 19		
23	23041130	Nguyễn Quỳnh	Như	30.09.2005	QH.2023.F.1.C2.NN	FLF1107B 2		

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 04.01.2024

Phòng thi 21 (708-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	23041515	Nguyễn Thị	Như	02.07.2005	QH.2023.F.1.J8.NN	FLF1107B 13			
2	23041753	Nguyễn Hồng	Nhung	17.04.2005	QH.2023.F.1.K8.NN	FLF1107B 4			
3	23040934	Phạm Thị Hồng	Nhung	14.09.2005	QH.2023.F.1.F4.NN	FLF1107B 7			
4	23040182	Lê Thị	Oanh	31.10.2005	QH.2023.F.1.K1.SP	FLF1107B 17			
5	23041131	Lương Thị	Oanh	15.01.2005	QH.2023.F.1.C7.NN	FLF1107B 10			
6	23041516	Ngô Thị Thu	Oanh	03.06.2005	QH.2023.F.1.J9.NN	FLF1107B 19			
7	23041517	Nguyễn Quỳnh	Oanh	07.05.2005	QH.2023.F.1.J10.NN	FLF1107B 19			
8	23041518	Nguyễn Thị Phương	Oanh	18.08.2005	QH.2023.F.1.J3.NN	FLF1107B 5			
9	23040133	Liêng Bích	Phấn	23.11.2005	QH.2023.F.1.C9.SP4	FLF1107B 13			
10	22041513	Hoàng Tân	Phú	20.04.2004	QH.2022.F.1.K2.NN	FLF1107B 14			
11	23040183	Trần Văn	Phú	08.05.2004	QH.2023.F.1.K1.SP	FLF1107B 11			
12	23040829	Hồ Thị	Phương	08.02.2004	QH.2023.F.1.R2.NN	FLF1107B 1			
13	22041059	Bùi Hà	Phương	24.10.2004	QH.2022.F.1.C6.NN	FLF1107B 11			
14	23040828	Cao Nhã	Phương	12.03.2005	QH.2023.F.1.R1.NN	FLF1107B 14			
15	23041132	Cử Y	Phương	20.10.2005	QH.2023.F.1.C3.NN	FLF1107B 8			
16	23041522	Đặng Thị Mai	Phương	25.08.2005	QH.2023.F.1.J4.NN	FLF1107B 11			
17	23041862	Hoàng Thị Minh	Phương	14.02.2005	QH.2023.F.1.A1.NN	FLF1107B 8			
18	23041298	Lê Đào Minh	Phương	29.07.2005	QH.2023.F.1.G3.NN	FLF1107B 2			
19	23041136	Ngô Thu	Phương	05.06.2005	QH.2023.F.1.C5.NN	FLF1107B 2			

20	22041349	Nguyễn Minh	Phương	08.03.2004	QH.2022.F.1.J6.NN	FLF1107B 10		
21	23041758	Nguyễn Thanh	Phương	13.11.2005	QH.2023.F.1.K2.NN	FLF1107B 17		
22	23040830	Nguyễn Thị Thu	Phương	14.06.2005	QH.2023.F.1.R1.NN	FLF1107B 5		
23	22041593	Nguyễn Thị Thu	Phương	13.10.2004	QH.2022.F.1.K5.NN	FLF1107B 15		

Danh sách gồm: *sinh viên*

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 04.01.2024

Phòng thi 22 (710-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	23040157	Nguyễn Thu	Phương	02.10.2005	QH.2023.F.1.J1.SP	FLF1107B 12			
2	23041139	Phạm Mai	Phương	29.12.2005	QH.2023.F.1.C6.NN	FLF1107B 1			
3	23041526	Phạm Thị Lan	Phương	20.10.2005	QH.2023.F.1.J5.NN	FLF1107B 11			
4	23041759	Phạm Thu	Phương	02.01.2005	QH.2023.F.1.K3.NN	FLF1107B 11			
5	23041299	Quân Thị Hà	Phương	06.05.2004	QH.2023.F.1.G1.NN	FLF1107B 13			
6	23041761	Mai Thị	Phương	12.06.2005	QH.2023.F.1.K4.NN	FLF1107B 17			
7	23041527	Nguyễn Thị	Phương	09.10.2005	QH.2023.F.1.J6.NN	FLF1107B 19			
8	23041134	Lê Mai	Phương	22.12.2005	QH.2023.F.1.C4.NN	FLF1107B 16			
9	23041302	Nguyễn Hồng	Quân	23.11.2005	QH.2023.F.1.G1.NN	FLF1107B 1			
10	23040936	Hà Việt	Quang	14.06.2005	QH.2023.F.1.F2.NN	FLF1107B 7			
11	23041863	Nguyễn Huy	Quang	20.11.2005	QH.2023.F.1.A1.NN	FLF1107B 8			
12	23041140	Đặng Thị Mai	Quyên	06.07.2005	QH.2023.F.1.C7.NN	FLF1107B 10			
13	23040831	Hà Thị Ngọc	Quyên	16.06.2005	QH.2023.F.1.R2.NN	FLF1107B 11			
14	23041764	Nguyễn Thị Hà	Quyên	23.09.2005	QH.2023.F.1.K5.NN	FLF1107B 13			
15	23041532	Nguyễn Thị	Quỳnh	13.03.2005	QH.2023.F.1.J7.NN	FLF1107B 17			
16	23041141	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	18.04.2005	QH.2023.F.1.C8.NN	FLF1107B 15			
17	23041533	Nguyễn Thúy	Quỳnh	29.05.2005	QH.2023.F.1.J8.NN	FLF1107B 3			
18	21041104	Phạm Như	Quỳnh	12.12.2003	QH.2021.F.1.R1.NN	FLF1107B 6			
19	23041767	Phạm Như	Quỳnh	29.03.2005	QH.2023.F.1.K6.NN	FLF1107B 12			
20	23041143	Vũ Xuân	Quỳnh	07.06.2005	QH.2023.F.1.C2.NN	FLF1107B 17			
21	23040186	Nguyễn Như	Quỳnh	29.03.2005	QH.2023.F.1.K1.SP	FLF1107B 16			
22	23041144	Lê Thị Hà	Sa	27.10.2005	QH.2023.F.1.C2.NN	FLF1107B 1			
23	22040016	Lô Phà	Sinh	27.08.2004	QH.2022.F.1.C2.SP4	FLF1107B 14			

Danh sách gồm: *sinh viên*

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI

HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1

HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 04.01.2024

Phòng thi 23 (711-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	22040253	Nguyễn Thị Nhân	Sinh	11.10.2004	QH.2022.F.1.K1.SP	FLF1107B 3			
2	23041536	Bùi Thị Thanh	Tâm	19.08.2005	QH.2023.F.1.J9.NN	FLF1107B 7			
3	23041770	Đàm Thị Thanh	Tâm	19.04.2005	QH.2023.F.1.K7.NN	FLF1107B 13			
4	23040159	Hoàng Mai	Tâm	16.05.2005	QH.2023.F.1.J1.SP	FLF1107B 3			
5	23041147	Nguyễn Minh	Tâm	03.02.2005	QH.2023.F.1.C3.NN	FLF1107B 14			
6	23041537	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	19.03.2005	QH.2023.F.1.J10.NN	FLF1107B 3			
7	23041149	Mông Thiên	Tân	22.10.2005	QH.2023.F.1.C5.NN	FLF1107B 1			
8	23041772	Phạm Lê Thiên	Tân	08.02.2005	QH.2023.F.1.K8.NN	FLF1107B 19			
9	23041167	Dương Thị Hồng	Thắm	22.03.2005	QH.2023.F.1.C7.NN	FLF1107B 4			
10	23041168	Nguyễn Quang	Thắng	29.03.2005	QH.2023.F.1.C9.NN4	FLF1107B 14			
11	23041156	Đoàn Thị	Thanh	22.08.2005	QH.2023.F.1.C7.NN	FLF1107B 13			
12	22040747	Nguyễn Như	Thành	24.03.2004	QH.2022.F.1.R2.NN	FLF1107B 1			
13	23040942	Nguyễn Tiến	Thành	30.03.2005	QH.2023.F.1.F4.NN	FLF1107B 6			
14	23041155	Cao Thị Phương	Thanh	18.11.2005	QH.2023.F.1.C9.NN4	FLF1107B 16			
15	23041164	Phan Thị Thanh	Thảo	11.07.2005	QH.2023.F.1.C6.NN	FLF1107B 1			
16	23041546	Bùi Bích	Thảo	05.12.2005	QH.2023.F.1.J4.NN	FLF1107B 8			
17	22040877	Đặng Phương	Thảo	10.09.2004	QH.2022.F.1.F1.NN	FLF1107B 13			
18	23041158	Đào Phương	Thảo	05.07.2005	QH.2023.F.1.C8.NN	FLF1107B 13			
19	23040943	Hoàng Phương	Thảo	30.06.2005	QH.2023.F.1.F1.NN	FLF1107B 6			
20	23041159	Hoàng Phương	Thảo	23.10.2005	QH.2023.F.1.C2.NN	FLF1107B 8			
21	23041160	Hoàng Thị	Thảo	11.01.2005	QH.2023.F.1.C3.NN	FLF1107B 9			
22	23041309	Hoàng Thu	Thảo	13.05.2005	QH.2023.F.1.G4.NN	FLF1107B 5			
23	22041212	Khuất Thu	Thảo	23.10.2004	QH.2022.F.1.G3.NN	FLF1107B 13			

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI****HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1**

HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 04.01.2024

Phòng thi 24 (801-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	23040832	Kim Thu	Thảo	15.09.2005	QH.2023.F.1.R1.NN	FLF1107B 2			
2	23040833	Lê Thu	Thảo	17.12.2005	QH.2023.F.1.R2.NN	FLF1107B 8			
3	23041782	Lữ Thị	Thảo	12.04.2005	QH.2023.F.1.K5.NN	FLF1107B 3			
4	23041783	Mai Phương	Thảo	22.09.2005	QH.2023.F.1.K6.NN	FLF1107B 12			

5	23040944	Mai Thị Phương	Thảo	03.09.2005	QH.2023.F.1.F2.NN	FLF1107B 6			
6	23041784	Ngô Phương	Thảo	29.07.2005	QH.2023.F.1.K7.NN	FLF1107B 17			
7	22040903	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	12.02.2004	QH.2022.F.1.F2.NN	FLF1107B 7			
8	23041161	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	16.03.2005	QH.2023.F.1.C4.NN	FLF1107B 2			
9	23041786	Nguyễn Phương	Thảo	06.04.2005	QH.2023.F.1.K8.NN	FLF1107B 13			
10	23041866	Nguyễn Phương	Thảo	06.06.2005	QH.2023.F.1.A1.NN	FLF1107B 11			
11	23041787	Nguyễn Thạch	Thảo	15.05.2005	QH.2023.F.1.K9.NN	FLF1107B 3			
12	23041788	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02.01.2005	QH.2023.F.1.K3.NN	FLF1107B 19			
13	23041310	Nguyễn Thị Thu	Thảo	05.04.2005	QH.2023.F.1.G1.NN	FLF1107B 12			
14	23041867	Nguyễn Thu	Thảo	02.02.2005	QH.2023.F.1.A1.NN	FLF1107B 13			
15	23041162	Phạm Dương Phương	Thảo	09.02.2005	QH.2023.F.1.C3.NN	FLF1107B 13			
16	23041163	Phạm Hoài Thu	Thảo	17.04.2005	QH.2023.F.1.C5.NN	FLF1107B 15			
17	23041549	Phùng Thị Phương	Thảo	23.02.2005	QH.2023.F.1.J6.NN	FLF1107B 12			
18	23041550	Trần Thị Thanh	Thảo	18.12.2005	QH.2023.F.1.J7.NN	FLF1107B 17			
19	23041551	Trần Thị Thu	Thảo	21.08.2005	QH.2023.F.1.J8.NN	FLF1107B 14			
20	23041789	Trần Thu	Thảo	25.03.2005	QH.2023.F.1.K2.NN	FLF1107B 17			
21	22040813	Trịnh Phương	Thảo	13.07.2003	QH.2022.F.1.R2.NN	FLF1107B 12			
22	23041165	Trung Thị Phương	Thảo	08.02.2005	QH.2023.F.1.C4.NN	FLF1107B 3			
23	23041308	Đỗ Thị	Thảo	04.06.2005	QH.2023.F.1.G3.NN	FLF1107B 16			

Danh sách gồm: **sinh viên**

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: **04.01.2024**

Phòng thi **25 (802-A2)**

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	23041552	Nguyễn Thị Hồng	Thêu	25.05.2005	QH.2023.F.1.J9.NN	FLF1107B 7			
2	23040945	Nguyễn Anh	Thơ	17.05.2005	QH.2023.F.1.F3.NN	FLF1107B 7			
3	23041554	Nguyễn Thị	Thu	05.10.2005	QH.2023.F.1.J3.NN	FLF1107B 12			
4	23041173	Nguyễn Thanh	Thư	23.01.2005	QH.2023.F.1.C4.NN	FLF1107B 1			
5	23041558	Trịnh Thị Anh	Thư	02.01.2005	QH.2023.F.1.J5.NN	FLF1107B 1			
6	23040947	Bùi Thị Minh	Thư	10.08.2005	QH.2023.F.1.F4.NN	FLF1107B 6			
7	23041797	Đỗ Thị Minh	Thư	13.07.2005	QH.2023.F.1.K8.NN	FLF1107B 17			
8	23040835	Hoàng Minh	Thư	22.06.2005	QH.2023.F.1.R1.NN	FLF1107B 14			
9	23041557	Hoàng Trang Minh	Thư	04.06.2004	QH.2023.F.1.J2.NN3.D6	FLF1107B 9			
10	23041799	Nguyễn Anh	Thư	03.04.2005	QH.2023.F.1.C9.SP4	FLF1107B 3			
11	23040837	Nguyễn Thị	Thư	27.04.2005	QH.2023.F.1.R2.NN	FLF1107B 9			
12	23041798	Nông Thị Anh	Thư	28.01.2005	QH.2023.F.1.K3.NN	FLF1107B 3			
13	22040840	Phạm Anh	Thư	21.06.2004	QH.2022.F.1.F2.NN	FLF1107B 7			
14	23040188	Phạm Nhữ Anh	Thư	21.11.2005	QH.2023.F.1.K1.SP	FLF1107B 8			
15	23040838	Phan Thị Anh	Thư	15.12.2005	QH.2023.F.1.R1.NN	FLF1107B 11			

16	23040137	Trương Anh	Thư	15.12.2005	QH.2023.F.1.C9.SP4	FLF1107B 13			
17	23041801	Vũ Anh	Thư	03.03.2005	QH.2023.F.1.K4.NN	FLF1107B 4			
18	23041802	Hoàng Thị Minh	Thương	14.12.2005	QH.2023.F.1.K5.NN	FLF1107B 12			
19	23041559	Nguyễn Hoài	Thương	03.12.2005	QH.2023.F.1.J6.NN	FLF1107B 12			
20	23041560	Trần Thị Hoài	Thương	25.03.2005	QH.2023.F.1.J7.NN	FLF1107B 14			
21	23041555	Đỗ Thị Bích	Thủy	30.09.2005	QH.2023.F.1.J4.NN	FLF1107B 15			
22	23041170	Nguyễn Minh	Thủy	15.04.2005	QH.2023.F.1.C8.NN	FLF1107B 14			
23	23041171	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	29.05.2005	QH.2023.F.1.C2.NN	FLF1107B 15			

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 04.01.2024

Phòng thi 26 (803-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	23040735	Đỗ Thị	Thúy	18.02.2005	QH.2023.F.1.K9.NN	FLF1107B 3			
2	21041724	Nguyễn Thanh	Thúy	30.09.2003	QH.2022.F.1.A1.NN	FLF1107B 14			
3	23041315	Nguyễn Thị	Thúy	14.06.2005	QH.2023.F.1.G1.NN	FLF1107B 13			
4	23041172	Trần Thị Thanh	Thúy	04.03.2005	QH.2023.F.1.C3.NN	FLF1107B 9			
5	23041792	Nguyễn Bích	Thùy	24.02.2005	QH.2023.F.1.K4.NN	FLF1107B 17			
6	23041793	Bùi Thu	Thùy	24.04.2005	QH.2023.F.1.K5.NN	FLF1107B 5			
7	23041312	Đỗ Thị Thanh	Thùy	09.01.2005	QH.2023.F.1.G2.NN	FLF1107B 16			
8	23041313	Nguyễn Thị Bích	Thùy	03.02.2005	QH.2023.F.1.G3.NN	FLF1107B 16			
9	23041314	Phạm Thị Thanh	Thùy	27.11.2005	QH.2023.F.1.G4.NN	FLF1107B 2			
10	23041795	Trịnh Thanh	Thùy	06.05.2005	QH.2023.F.1.K6.NN	FLF1107B 5			
11	23041150	Hà Thị Thùy	Tiên	04.01.2005	QH.2023.F.1.C4.NN	FLF1107B 13			
12	23041773	Hồ Đỗ Cẩm	Tiên	03.02.2005	QH.2023.F.1.K9.NN	FLF1107B 12			
13	21041108	Trần Duy	Toán	27.03.1998	QH.2022.F.1.R1.NN	FLF1107B 16			
14	23040839	Phạm Hương	Trà	04.12.2004	QH.2023.F.1.R2.NN	FLF1107B 8			
15	23040191	Nguyễn Ngọc	Trâm	16.06.2005	QH.2023.F.1.K1.SP	FLF1107B 17			
16	23041820	Vũ Huyền	Trần	29.10.2005	QH.2023.F.1.K4.NN	FLF1107B 14			
17	23041184	Phạm Quỳnh	Trang	22.11.2005	QH.2023.F.1.C2.NN	FLF1107B 1			
18	23041186	Tổng Thị Thùy	Trang	01.07.2005	QH.2023.F.1.C9.NN4	FLF1107B 1			
19	23040840	Bùi Quỳnh	Trang	13.04.2005	QH.2023.F.1.R2.NN	FLF1107B 13			
20	23041174	Chu Lê Thu	Trang	03.02.2005	QH.2023.F.1.C5.NN	FLF1107B 11			
21	23040842	Đào Huyền	Trang	02.07.2005	QH.2023.F.1.R1.NN	FLF1107B 8			
22	23041175	Đỗ Thị Quỳnh	Trang	05.12.2005	QH.2023.F.1.C5.NN	FLF1107B 2			
23	23041803	Dương Thị Hoài	Trang	10.09.2005	QH.2023.F.1.K6.NN	FLF1107B 1			

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 04.01.2024

Phòng thi 27 (804-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	23041806	Hà Thị	Trang	09.08.2005	QH.2023.F.1.K7.NN	FLF1107B 17			
2	23041316	Hoàng Thu	Trang	06.12.2005	QH.2023.F.1.G2.NN	FLF1107B 13			
3	23041564	Lê Quỳnh	Trang	19.06.2005	QH.2023.F.1.J8.NN	FLF1107B 5			
4	23041808	Lê Quỳnh	Trang	24.09.2005	QH.2023.F.1.K9.NN	FLF1107B 19			
5	23041177	Lê Thị	Trang	26.02.2005	QH.2023.F.1.C6.NN	FLF1107B 10			
6	23041809	Lê Thiên	Trang	13.05.2005	QH.2023.F.1.K3.NN	FLF1107B 11			
7	23040189	Lê Thùy	Trang	17.08.2005	QH.2023.F.1.K1.SP	FLF1107B 8			
8	22040776	Lò Thị Quỳnh	Trang	02.02.2004	QH.2022.F.1.R2.NN	FLF1107B 12			
9	23041811	Ngô Thị Huyền	Trang	03.02.2005	QH.2023.F.1.K4.NN	FLF1107B 17			
10	23041565	Nguyễn Huyền	Trang	04.08.2005	QH.2023.F.1.J9.NN	FLF1107B 5			
11	23041318	Nguyễn Kiều	Trang	17.04.2005	QH.2023.F.1.G3.NN	FLF1107B 8			
12	23040190	Nguyễn Thị Huyền	Trang	20.05.2005	QH.2023.F.1.K1.SP	FLF1107B 9			
13	23041869	Nguyễn Thị Kiều	Trang	05.10.2005	QH.2023.F.1.A1.NN	FLF1107B 12			
14	23041566	Nguyễn Thị Thu	Trang	03.08.2005	QH.2023.F.1.J10.NN	FLF1107B 2			
15	23041179	Nguyễn Thị Thu	Trang	28.03.2004	QH.2023.F.1.C8.NN	FLF1107B 5			
16	23041870	Nguyễn Thị Thu	Trang	07.12.2005	QH.2023.F.1.A1.NN	FLF1107B 8			
17	23041812	Nguyễn Thị Thu	Trang	20.09.2005	QH.2023.F.1.K5.NN	FLF1107B 17			
18	23041180	Nguyễn Thu	Trang	30.04.2005	QH.2023.F.1.C6.NN	FLF1107B 3			
19	23041567	Nguyễn Thu	Trang	04.03.2005	QH.2023.F.1.J3.NN	FLF1107B 9			
20	23041814	Phạm Thị Huyền	Trang	07.05.2005	QH.2023.F.1.K6.NN	FLF1107B 3			
21	23040951	Trần Thị Hà	Trang	12.08.2004	QH.2023.F.1.F3.NN	FLF1107B 7			

Danh sách gồm: *sinh viên*

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 04.01.2024

Phòng thi 28 (806-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	23041816	Trần Thị Quỳnh	Trang	01.06.2005	QH.2023.F.1.K7.NN	FLF1107B 17			
2	23040952	Trần Thị Thùy	Trang	05.01.2005	QH.2023.F.1.F4.NN	FLF1107B 6			

3	23041320	Trần Thùy	Trang	08.07.2005	QH.2023.F.1.G4.NN	FLF1107B 10		
4	23041818	Trần Việt	Trang	07.02.2005	QH.2023.F.1.K9.NN	FLF1107B 17		
5	23041819	Vũ Thùy	Trang	03.02.2005	QH.2023.F.1.K3.NN	FLF1107B 15		
6	23040162	Lê Thị	Trang	21.05.2005	QH.2023.F.1.J1.SP	FLF1107B 16		
7	23041188	Trần Thu	Trang	27.06.2005	QH.2023.F.1.C3.NN	FLF1107B 16		
8	23041821	Lương Mai	Trúc	22.06.2005	QH.2023.F.1.K5.NN	FLF1107B 15		
9	23040845	Đỗ Xuân	Trường	05.07.2005	QH.2023.F.1.R1.NN	FLF1107B 2		
10	23041189	Phạm Minh	Trường	09.06.2005	QH.2023.F.1.C6.NN	FLF1107B 13		
11	23041542	Nguyễn Minh	Tú	19.11.2005	QH.2023.F.1.J3.NN	FLF1107B 5		
12	23041151	Hồ Thị Ngọc	Tú	01.09.2005	QH.2023.F.1.C5.NN	FLF1107B 14		
13	23041774	Lê Nguyễn Cẩm	Tú	08.12.2005	QH.2023.F.1.K2.NN	FLF1107B 11		
14	23041307	Vũ Hương	Tú	10.11.2005	QH.2023.F.1.G2.NN	FLF1107B 2		
15	23040939	Nguyễn Anh	Tuấn	12.01.2005	QH.2023.F.1.F3.NN	FLF1107B 7		
16	23041543	Phạm Xuân Anh	Tuấn	06.12.2005	QH.2023.F.1.J9.NN	FLF1107B 7		
17	23041154	Trần Thị	Tường	20.01.2005	QH.2023.F.1.C6.NN	FLF1107B 5		
18	23041778	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	24.02.2005	QH.2023.F.1.K4.NN	FLF1107B 17		
19	23041153	Vì Thị	Tuyết	01.05.2005	QH.2023.F.1.C7.NN	FLF1107B 15		
20	23041822	Bùi Phương	Uyên	30.08.2005	QH.2023.F.1.K6.NN	FLF1107B 3		

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 04.01.2024

Phòng thi 29 (807-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	23041322	Lã Thu	Uyên	11.07.2005	QH.2023.F.1.G1.NN	FLF1107B 10			
2	23041823	Lê Thị Tố	Uyên	10.10.2005	QH.2023.F.1.K7.NN	FLF1107B 17			
3	23041572	Nguyễn Thị Phương	Uyên	04.07.2005	QH.2023.F.1.J5.NN	FLF1107B 5			
4	23041192	An Hải	Vân	02.03.2005	QH.2023.F.1.C4.NN	FLF1107B 5			
5	23041574	Bùi Thảo	Vân	27.02.2005	QH.2023.F.1.J6.NN	FLF1107B 5			
6	23040954	Cao Thị	Vân	01.08.2005	QH.2023.F.1.F1.NN	FLF1107B 7			
7	23041193	Hà Thị Thu	Vân	20.09.2005	QH.2023.F.1.C5.NN	FLF1107B 10			
8	23041575	Hoàng Mỹ	Vân	09.05.2005	QH.2023.F.1.J7.NN	FLF1107B 17			
9	21040336	Lêng Thị	Vân	19.08.2001	QH.2020.F.1.K1.SP	FLF1107B 6			
10	23041194	Ngô Thanh	Vân	26.11.2005	QH.2023.F.1.C6.NN	FLF1107B 5			
11	23041825	Nguyễn Thảo	Vân	14.01.2005	QH.2023.F.1.K8.NN	FLF1107B 11			
12	22041060	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	21.08.2004	QH.2022.F.1.C7.NN4	FLF1107B 11			
13	23041826	Nguyễn Thị Ngọc	Vân	03.02.2005	QH.2023.F.1.K9.NN	FLF1107B 12			
14	23041827	Tô Thanh	Vân	28.04.2005	QH.2023.F.1.K3.NN	FLF1107B 12			
15	23041576	Trần Thị Phương	Vân	17.07.2005	QH.2023.F.1.J8.NN	FLF1107B 19			
16	23041577	Đỗ Triệu	Vi	05.07.2005	QH.2023.F.1.J9.NN	FLF1107B 2			

17	20040187	Lê Hoàng	Việt	22.12.2002	QH.2022.F.1.J1.SP	FLF1107B 10		
18	23041873	Trần Văn	Vũ	13.09.2005	QH.2023.F.1.A1.NN	FLF1107B 17		
19	23041325	Bùi Thị Khánh	Vy	09.10.2005	QH.2023.F.1.G2.NN	FLF1107B 5		
20	23040164	Đỗ Hà	Vy	13.12.2005	QH.2023.F.1.J1.SP	FLF1107B 19		

Danh sách gồm: *sinh viên*

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 04.01.2024

Phòng thi 30 (808-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm
							Đọc	Viết	
1	23041830	Nguyễn Hiền	Vy	03.07.2003	QH.2023.F.1.K4.NN	FLF1107B 9			
2	23041831	Nguyễn Hoàng Diệu	Vy	26.07.2005	QH.2023.F.1.K5.NN	FLF1107B 17			
3	23041327	Nguyễn Thục	Vy	17.05.2005	QH.2023.F.1.G3.NN	FLF1107B 15			
4	23041832	Trần Thị Hà	Vy	25.09.2005	QH.2023.F.1.K6.NN	FLF1107B 17			
5	23041198	Trịnh Thảo	Vy	18.07.2005	QH.2023.F.1.C7.NN	FLF1107B 14			
6	23041200	Nguyễn Thanh	Xuân	13.12.2005	QH.2023.F.1.C8.NN	FLF1107B 9			
7	23041201	Trần Thị Trang	Xuân	20.02.2005	QH.2023.F.1.C8.NN	FLF1107B 15			
8	23040139	Dương Như	Ý	24.08.2005	QH.2023.F.1.C1.SP	FLF1107B 3			
9	23041204	Hà Thị	Yến	10.08.2005	QH.2023.F.1.C7.NN	FLF1107B 2			
10	23040140	Hoàng Hải	Yến	27.06.2005	QH.2023.F.1.C1.SP	FLF1107B 13			
11	23041833	Hoàng Thị Hải	Yến	23.08.2005	QH.2023.F.1.K7.NN	FLF1107B 5			
12	23041205	Lương Thị	Yến	31.08.2005	QH.2023.F.1.C8.NN	FLF1107B 13			
13	23041834	Nguyễn Thị Hải	Yến	20.04.2005	QH.2023.F.1.K8.NN	FLF1107B 3			
14	23041835	Nguyễn Thị Hải	Yến	08.03.2005	QH.2023.F.1.K9.NN	FLF1107B 5			
15	23040960	Nguyễn Thị Hải	Yến	21.08.2005	QH.2023.F.1.F2.NN	FLF1107B 7			
16	23040961	Phạm Thị Hải	Yến	25.02.2005	QH.2023.F.1.F3.NN	FLF1107B 7			
17	23040165	Phuong Hải	Yến	06.11.2005	QH.2023.F.1.J1.SP	FLF1107B 3			
18	22040921	Tô Nhị Từ	Yến	14.08.2004	QH.2022.F.1.F4.NN	FLF1107B 6			
19	23041329	Trần Thị Kim	Yến	28.06.2005	QH.2023.F.1.G4.NN	FLF1107B 14			
20	23041203	Bùi Thị Thu	Yến	19.08.2005	QH.2023.F.1.C2.NN	FLF1107B 16			

Danh sách gồm: *sinh viên*

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Ko đủ đk thi		
							Ko đc dự thi	Lý do	
1	23041362	Trương Ngọc Quỳnh	Anh	28.04.2005	QH.2023.F.1.J9.NN	FLF1107B 3	ko đủ đk	Không đủ bài online	
2	23040813	Nguyễn Gia	Linh	28.12.2005	QH.2023.F.1.R1.NN	FLF1107B 3	ko đủ đk	Không thi PT2	
3	23041837	Nguyễn Minh	Anh	07.02.2005	QH.2023.F.1.A1.NN	FLF1107B 4	ko đủ đk	Bỏ học, thiếu các đầu điểm k	
4	23041468	Trần Thị Thùy	Linh	14.11.2005	QH.2023.F.1.J5.NN	FLF1107B 5	ko đủ đk	Không hoàn thành BT online	
5	23041256	Nguyễn Đình	Hung	01.10.2003	QH.2023.F.1.G2.NN	FLF1107B 8	ko đủ đk	Nghỉ quá số buổi quy định, k	
6	23041693	Nguyễn Khánh	Linh	27.12.2005	QH.2023.F.1.K6.NN	FLF1107B 8	ko đủ đk	Nghỉ quá số buổi quy định, k	
7	23041521	Nguyễn Hoàng	Phúc	27.11.2005	QH.2023.F.1.J8.NN	FLF1107B 12	ko đủ đk	không đạt tỷ lệ % online	
8	23041128	Đặng Thị	Nhung	04.06.2005	QH.2023.F.1.C8.NN	FLF1107B 14	ko đủ đk	không thi PT1, PT2	
9	22040791	Đinh Trung	Hiếu	10.06.2002	QH.2022.F.1.R2.NN	FLF1107B 15	ko đủ đk	ngghi học nhiều, ko thi PT2	
10	22040826	Đào Ngọc	Hoa	23.12.2003	QH.2022.F.1.F3.NN	FLF1107B 15	ko đủ đk	ngghi học nhiều, ko thi PT1, F	
11	22040895	Nguyễn Vũ Phương	Linh	03.07.2004	QH.2022.F.1.F3.NN	FLF1107B 15	ko đủ đk	ngghi học nhiều, ko thi PT2	
12	23040976	Nguyễn Minh	Anh	13.12.2005	QH.2023.F.1.C4.NN	FLF1107B 16	ko đủ đk	thiếu các đầu điểm kiểm tra đ	
13	22041740	Nguyễn Thị Hạnh	Dung	02.07.2004	QH.2022.F.1.A1.NN	FLF1107B 16	ko đủ đk	thiếu các đầu điểm kiểm tra đ	
14	23041133	Hoàng Thị	Phương	01.05.2005	QH.2023.F.1.C8.NN	FLF1107B 16	ko đủ đk	thiếu các đầu điểm kiểm tra đ	
15	23040836	Nguyễn Minh	Thư	20.04.2005	QH.2023.F.1.R1.NN	FLF1107B 16	ko đủ đk	thiếu các đầu điểm kiểm tra đ	
16	23041602	Phạm Ngọc	Anh	30.08.2005	QH.2023.F.1.K7.NN	FLF1107B 17	ko đủ đk	không học từ đầu	
17	23040938	Vũ Hoàng Thanh	Son	30.01.2004	QH.2023.F.1.F4.NN	FLF1107B 19	ko đủ đk	không học từ đầu	
18	22041742	Bùi Thị Thu	Trang	01.01.2004	QH.2022.F.1.A1.NN	FLF1107B 19	ko đủ đk	không học từ đầu	
19	21041426	Cao Vũ Ngọc	Anh	02.04.2003	QH.2021.F.1.J7.NN23	FLF1107B 1	ko đủ đk	không học từ đầu	
20	23040905	Nguyễn Thùy	Linh	08.05.2005	QH.2023.F.1.F.RÚTHÓSOT	FLF1107B 6	ko đủ đk	không học từ đầu	
21	23040868	Nguyễn Ngọc Anh	Đức	12.09.2005	QH.2023.F.1.F2.NN	FLF1107B 7	ko đủ đk	không học từ đầu	
22	23040917	Trịnh Chi	Mai	05.04.2005	QH.2023.F.1.F3.NN	FLF1107B 7	ko đủ đk	không học từ đầu	
23	23041703	Vũ Thị Khánh	Linh	01.09.2005	QH.2023.F.1.K3.NN	FLF1107B 8	ko đủ đk	không học từ đầu	
24	23040827	Vũ Thị Yến	Nhi	15.03.2005	QH.2023.F.1.R2.NN	FLF1107B 13	ko đủ đk	Nghỉ học, chuyển trường	
25	21040744	Trần Nguyễn Đức	Anh	10.11.1999	QH.2021.F.1.J1.SP	FLF1107B 14	ko đủ đk	không học từ đầu	
26	23041658	Phan Tiến	Hoàng	29.07.2005	QH.2023.F.1.K8.NN	FLF1107B 14	ko đủ đk	không học từ đầu	
27	23041855	Lê Tú	Ngân	21.08.2005	QH.2023.F.1.A1.NN	FLF1107B 14	ko đủ đk	không học từ đầu	
28	23041601	Nguyễn Việt	Anh	27.06.2005	QH.2023.F.1.K2.NN	FLF1107B 12	ko đủ đk	không học từ đầu	
29	23041104	Phạm Xuân	Mong	20.05.2005	QH.2023.F.1.C3.NN	FLF1107B 10	ko đủ đk	Không học, hủy học phần có	

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐÃ NỘP CHỨNG CHỈ

1	22041257	Lê Thị Thùy	Dương	15.08.2004	QH.2023.F.1.G4.NN	FLF1107B 10	Đã có chứng	đã nộp chứng chỉ	
2	23040857	Phùng Ngọc Khương	Anh	02.01.2005	QH.2023.F.1.F3.NN	FLF1107B 6	Đã có chứng	đã nộp chứng chỉ	
3	23041237	Ngô Bá	Đạt		QH.2023.F.1.G1.NN	FLF1107B 4	Đã có chứng	đã nộp chứng chỉ	

Danh sách gồm: 711 sinh viên, trong đó:

Số SV đủ điều kiện thi hết học phần: 679 sv

Số SV không đủ điều kiện thi hết học phần: 15 sv

Số SV nghỉ học, bảo lưu, chuyển trường: 14 sv

Số SV đã được phù điểm do nộp CC: 3 sv

Người lập DS: Hoàng Thị Phương Loan

